TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **TỈNH H** ---***---	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** ----------

Bản án số: 03/2024/HSST
Ngày: 12/01/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Thu H1.
- ***Hội thẩm nhân dân:*** Bà Đỗ Thị H2 và bà Lê Thị O.
- ***Thư ký ghi biên bản phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Trang V – Thư ký TA.
- ***Đại diện VKSND huyện K:*** Bà Lê Thị T - KSV.

Hôm nay ngày 12/01/2024, Tòa án nhân dân huyện K mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số: 130/2023/HSST ngày 26/12/2023 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện K theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2024/HSST-QĐXX ngày 02/01/2024 đối với bị cáo: **Phạm Văn T2**. Giới tính: Nam; Sinh năm: 1992; Tên gọi khác: Không; Sinh trú quán: thôn C, xã Đ, huyện K, tỉnh H; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Con ông Phạm Văn C1, sinh năm 1963 (đã chết) và bà Nguyễn Thị H3, sinh năm 1965; Anh chị em: gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ ba. Có vợ Hoàng Thị H4, sinh năm 1994 và có 02 con. Con lớn nhất sinh năm 2015, con nhỏ nhất sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Chưa có; Nhân thân: Không có; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/10/2023, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện K (Có mặt tại phiên toà).

****/Những người làm chứng:***

1. Anh Hoàng Tiến L, sinh năm 1992; Trú tại: thôn T3, xã T4, huyện K, tỉnh H (Vắng mặt);

2. Anh Trần Văn H5, sinh năm 1989; Trú tại: thôn H6, xã T4, huyện K, tỉnh H (Vắng mặt);

3. Bà Đặng Thị L1, sinh năm 1953 Trú tại: thôn T3, xã T4, huyện K, tỉnh H (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 15 giờ ngày 31/10/2023, Phạm Văn T2 sinh năm 1992 ở thôn C, xã Đ, huyện K mang theo 200.000đ đi đến thôn E, xã Ô, huyện K mục đích đi mua ma túy về sử dụng. Tại đây, T2 gặp một người đàn ông khoảng 25 tuổi mặc quần đùi, cởi trần đang đứng ở rìa đường bờ mương. T2 tiến lại chỗ người đàn ông đó và hỏi: "*Bán cho cái 200.000đ*" (*Ý hỏi mua ma túy đá của người đàn ông đó với giá 200.000đ*), người đàn ông bảo: *"ừ*". T2 lấy 200.000đ đưa cho người đàn ông và

được người này đưa 01 túi nilon màu trắng có viền màu xanh bên trong có chứa chất kết tinh màu trắng. T2 cất gói nilon vừa mua được vào túi quần phía trước bên trái rồi đi bộ quay về. Trên đường về T2 gọi điện cho Hoàng Tiến L sinh năm 1992 ở thôn T3, xã T4, huyện K, tỉnh H đến đón thì Lộc đồng ý và đến chở T2 đi đến nhà Trần Văn H5 sinh năm 1989 ở thôn H6, xã T4 để chơi. Lộc, T2, Hoan ngồi ở nhà Hoan chơi một lúc thì H5 đi H7 và bảo mọi người cứ ngồi chơi khi nào về thì gọi điện báo H5. T2 và Lộc ngồi chơi ở nhà H5 một lúc thì bà Đặng Thị L1, sinh năm 1953 ở thôn H6 (là mẹ đẻ của anh H5) về nhà. Nghi ngờ T2 và Lộc có biểu hiện tàng trữ trái phép chất ma túy nên bà L1 đã báo Công an huyện K. Hồi 21 giờ 50 phút ngày 31/10/2023, đội Cảnh sát điều tra tội phạm về kinh tế và ma túy phối hợp cùng Công an xã T4 kiểm tra nhà bà L1 thì T2 tự giác lấy từ túi quần phía trước bên trái ra 01 túi nilon màu trắng, miệng túi gắn kín có đường viền màu xanh kích thước (2x2) cm, bên trong chứa chất kết tinh màu trắng giao nộp cho cơ quan Công an niêm phong theo quy định. Đồng thời cơ quan Công an thu giữ của T2 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu vàng.

Ngày 01/11/2023, Cơ quan điều tra khám xét khẩn cấp nơi ở của T2 ở thôn C, xã Đ, huyện K nhưng không thu giữ được gì có liên quan. Tiến hành kiểm tra điện thoại của T2, Lộc không thấy có nội dung gì liên quan đến việc mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy.

Tại bản kết luận giám định số 571/KL-KTHS(MT) ngày 04/11/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh H kết luận: Mẫu chất dạng tinh thể màu trắng trong phong bì niêm phong, có khối lượng là 0,595g (Không phẩy năm chín năm gam) là ma túy, loại: Methamphetamine.

Vật chứng vụ án: Đối với 01 phong bì niêm phong bên trong có 0,573 gam là ma túy, loại Methamphetamine là mẫu hoàn lại sau giám định và chiếc điện thoại di động thu giữ của T2 Cơ quan điều tra đã nhập kho vật chứng chờ xử lý. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị can không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tại bản cáo trạng số: 11/CT-VKSKC, ngày 26/12/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố T2 về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của BLHS năm 2015.

Tại phiên toà hôm nay:

[1]. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K giữ nguyên Quyết định truy tố đối với bị cáo T2 và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", đề nghị áp dụng c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm c khoản 1 Điều 47 của BLHS; điểm a khoản 2 và khoản 3 Điều 106 của BLTTHS. Đề nghị xử phạt bị cáo T2 từ 01 năm 06 tháng đến 01 năm 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (Ngày 31/10/2023); Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo T2; Tịch thu cho tiêu hủy toàn bộ số ma túy còn lại sau khi giám định; Trả lại cho bị cáo T2 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu vàng.

[2]. Bị cáo T2 nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, đồng thời thành khẩn khai báo nhận tội, thái độ ăn năn hối cải, được nói lời sau cùng, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

[3]. Những người làm chứng là anh Hoàng Tiến L, anh Trần Văn H5 và bà Đặng Thị L1 đều đã được triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, tuy nhiên trong hồ sơ vụ án họ đã có lời khai rõ ràng, việc vắng mặt họ tại phiên tòa hôm nay không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, nên Hội đồng xét xử (HĐXX) căn cứ vào Điều 293 của BLTTHS vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận công khai tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: Đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS: Quá trình điều tra bị cáo xuất trình tài liệu, chứng cứ phù hợp với quy định của pháp luật, không có ai khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về tội danh và điều luật áp dụng: Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo T2 đã thừa nhận vào chiều ngày 31/10/2023, T2 mang theo 200.000 đồng đi đến thôn E, xã Ô, huyện K mua ma túy về sử dụng nhưng chưa sử dụng thì bị Công an phát hiện bắt quả tang. Lời khai nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với: Biên bản bắt người phạm tội quả tang; Biên bản đóng, mở niêm phong; Biên bản ghi lời khai của người làm chứng là anh Hoàng Tiến L, anh Trần Văn H5, và bà Đặng Thị L1; Kết luận giám định của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh H. Do vậy, có đủ cơ sở để kết luận: Hồi 22 giờ 05 phút ngày 31/10/2023 tại nhà của bà Đặng Thị L1 ở thôn H6, xã T4, huyện K, tỉnh H, Phạm Văn T2 có hành vi tàng trữ trái phép 0,595g Methamphetamine với mục đích để sử dụng thì bị phát hiện bắt quả tang. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố bị cáo T2 theo tội danh và điều luật áp dụng trong Cáo trạng số 11/CT-VKSKC, ngày 26/12/2023 là có căn cứ.

[3]. Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội: Xét tính chất hành vi phạm tội của bị cáo T2 gây nguy hiểm cho xã hội bởi lẽ: Bị cáo đã vi phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma tuý được BLHS bảo vệ. Hành vi đó là nguy hiểm cho xã hội, ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, gây bức xúc trong dư luận quần chúng nhân dân và là một trong những nguyên nhân phát sinh ra nhiều tệ nạn xã hội và các loại tội phạm khác, gây mất trật tự trị an. Bản thân bị cáo T2 nhận thức rất rõ tác hại của ma tuý, biết được tàng trữ trái phép chất ma tuý là vi phạm pháp luật, nhưng để thỏa mãn cơn nghiện, bị cáo đã sẵn sàng vi phạm pháp luật, thể hiện sự coi thường kỷ cương, pháp luật của Nhà nước. Hành vi của bị cáo cần phải xử lý nghiêm khắc trước pháp luật.

[4]. Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Bị cáo T2 chưa có tiền án, tiền sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên toà hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, thái độ ăn năn hối cải. Ngoài ra, căn cứ vào biên bản xác minh (BL: 56 thì bố đẻ của bị cáo là ông Phạm Văn C1 đã từng tham gia quân đội được tặng thưởng Huân, Huy chương nhưng do thời gian đã lâu nên gia đình không còn lưu giữ được). Nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của BLHS để giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo thể hiện sự nhân đạo của pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo T2 mặc dù chưa có tiền án, tiền sự, nhưng bản thân mắc nghiện chất ma túy, lần phạm tội này có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội lớn. Do vậy, cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, nhằm giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, có ý thức tuân thủ pháp luật và các quy tắc của cuộc sống xã hội chủ nghĩa, đồng thời giáo dục người khác tôn trọng pháp luật và cũng là đáp ứng nhu cầu phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

Từ những phân tích, nhận định nêu trên Hội đồng xét xử thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K về tội danh, điều luật áp dụng và mức hình phạt là phù hợp, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định và việc bị cáo tàng trữ trái phép chất ma túy để sử dụng chứ không vì mục đích tư lợi nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng khoản 5 Điều 249 của BLHS năm 2015 để phạt tiền đối với bị cáo.

[6]. Về vật chứng trong vụ án: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 của BLHS; điểm a khoản 2 và khoản 3 Điều 106 của BLTTHS để xử lý vật chứng như sau: Đối với mẫu vật hoàn lại sau giám định là vật chứng trong vụ án, được Nhà nước độc quyền quản lý, cấm tàng trữ nên cần tịch thu tiêu hủy 0,573 gam ma túy, loại Methamphetamine là mẫu hoàn lại sau giám định; đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu vàng không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên cần tuyên trả lại cho bị cáo.

[7]. Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và khoản 2 Điều 136 của BLTTHS năm 2015 cần buộc bị cáo phải chịu 200.000đ án phí HSST.

[8]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331 và Điều 333 của BLTTHS.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH;

Căn cứ: Điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của BLHS năm 2015.

Tuyên bố**:** Bị cáo Phạm Văn T2 phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn T2 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (Ngày 31/10/2023).

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 của BLHS năm 2015; điểm a khoản 2 và khoản 3 Điều 106 của BLTTHS năm 2015. Tịch thu tiêu hủy 0,573 gam ma túy, loại Methamphetamine hoàn lại sau giám định.

Trả lại cho bị cáo T2 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu vàng. (Tình trạng vật chứng như trong quyết định chuyển vật chứng số 06/QĐ-VKS - KC ngày 26/12/2023 của VKSND huyện K).

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của BLTTHS năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo T2 phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí HSST.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 của BLTTHS năm 2015. Báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (12/01/2024).

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh HY;*
- *VKSND tỉnh HY;*
- *VKSND huyện KC;*
- *Công an huyện KC;*
- *Chi cục THADS huyện KC;*
- *Bi cáo;*
- *UBND xã Đ;*
- *Lưu HSVA.*

Nguyễn Thị Thu H8

TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **TỈNH H** ---***---	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **ĐỘC LẬP – TỰ DO – HẠNH PHÚC** ---------- Khoái Châu, ngày 12 tháng 01 năm 2024

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K – TỈNH H
VỚI HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM GỒM CÓ:

/ Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hương.

/ Hội thẩm nhân dân: ……

Căn cứ vào Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Vào hồi 09 giờ 00 phút, ngày 12/01/2024, tại phòng nghị án. Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành nghị án đối với vụ án: "Tàng trữ trái phép chất ma túy" đối với bị cáo: **Phạm Văn T2**. Giới tính: Nam; Sinh năm: 1992; Tên gọi khác: Không; Sinh trú quán: thôn C, xã Đ, huyện K, tỉnh H; Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, của bị cáo. Hội đồng xét xử thảo luận những vấn đề phải giải quyết trong vụ án như sau:

1. Căn cứ áp dụng: Điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS năm 2015.

(Kết quả biểu quyết: 3/3)

2. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Văn T2 phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

3. Mức hình phạt: Bị cáo Phạm Văn T2 … năm ….. tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (Ngày 30/10/2023). Quyết định tạm giam bị cáo 45 (Bốn mươi lăm) ngày để đảm bảo thi hành án.

(Kết quả biểu quyết: 3/3)

4. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với cáo T2.

(Kết quả biểu quyết: 3/3)

5. ***Về xử lý vật chứng:*** Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 của BLHS năm 2015; điểm a khoản 2 và khoản 3 Điều 106 của BLTTHS năm 2015. Tịch thu tiêu hủy 0,573 gam ma túy, loại Methamphetamine (Không phẩy năm bảy ba) Heroine hoàn lại sau giám định.

Trả lại cho bị cáo T2 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu vàng. (Tình trạng vật chứng như trong quyết định chuyển vật chứng số …./QĐ-VKS - KC ngày 25/12/2023 của VKSND huyện K).

(Kết quả biểu quyết: 3/3)

6. ***Về án phí:*** Áp dụng khoản 2 Điều 136 của BLTTHS năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo T2 phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí HSST.

(Kết quả biểu quyết: 3/3)

7. ***Về quyền kháng cáo:*** Căn cứ Điều 331 và Điều 333 của BLTTHS năm 2015. Báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 12/01/2024).

Biên bản lập xong hồi 09 giờ 05 phút cùng ngày. Các thành viên Hội đồng xét xử đã được nghe, đọc và nhất trí ký vào biên bản.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN | CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ